

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn,  
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn, huyện Nông Cống đến năm 2030;*

*Căn cứ các nội dung tham gia ý kiến quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống tại Công văn số 736/SXD-QH ngày 27/01/2022 của Sở Xây dựng; Công văn số 265/SNN&PTNT-KHTC ngày 20/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 606/SGTVT-KHTC ngày 13/02/2022 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 12/UBND ngày 21/02/2022 của UBND xã Thăng Bình về việc báo cáo giải trình ý kiến sở Xây dựng.*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 14/TĐ-KTHT ngày 04/3/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn, huyện Nông Cống đến năm 2030 với nội dung như sau:

### **1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

**a. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn, huyện Nông Cống đến năm 2030.

### **b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Tượng Văn là xã nằm về phía Đông Nam của huyện Nông Cống, cách trung tâm huyện khoảng 12 km, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc xã giáp xã Trường Sơn và Trường Giang;
- Phía Nam giáp xã Tượng Lĩnh;
- Phía Tây giáp xã Tượng Lĩnh;
- Phía Đông giáp xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.**

**a) Mục tiêu:** Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 06/07/2021

**b) Tính chất chức năng của xã:** Quy hoạch xây dựng xã Tượng Văn là quy hoạch xây dựng nông thôn; Chức năng chủ đạo của xã:

- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, lấy nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao là định hướng phát triển ưu tiên.

- Là khu vực phát triển đô thị thương mại, dịch vụ, trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, y tế, đầu mối giao thông quan trọng vùng phía đông.

- Là địa bàn cung cấp nguồn lao động cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện (Khu công nghiệp Nông Cống, Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh).

### **3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.1. Quy mô dân số, lao động**

##### **3.1.1. Quy mô dân số**

+ Đến năm 2025 khoảng 5.543 người (trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 3.326 người).

+ Đến năm 2030 khoảng 6.426 người (trong đó, dân số trong độ tuổi lao động khoảng 3.856 người).

##### **3.1.2. Quy mô lao động**

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong độ tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.326 người).

- Đến năm 2030: Dự báo số người trong độ tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.856 người).

### 3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

\* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất ở:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ:  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6  $\text{m}^2/\text{người}$ ;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4-5  $\text{m}^2/\text{người}$ ).

*(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)*

\*. **Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước sinh hoạt:  $\geq 60 \text{ lít/người/ngày-đêm}$ ;
- Cấp điện sinh hoạt:  $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày/đêm}$ ; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng  $\geq 50\%$ ;
- Nước thải sinh hoạt:  $\geq 80\%$  lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm. *(lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V).*

## 4. Phân khu chức năng

**4.1. Khu trung tâm xã:** Khu trung tâm của xã hiện nay tương đối hoàn chỉnh. Nằm trên trục đường TL525, tại thôn Quỳnh Tiến, kết nối tất cả các thôn trong xã thông qua hệ thống giao thông nông thôn, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế, chợ...

**4.2. Các khu dân cư tập trung:** Chính trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

**4.3. Các khu vực sản xuất nông nghiệp:** Diện tích bao gồm tất cả các thôn, tập trung hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, khu trang trại.....

**4.3. Khu vực sản xuất kinh doanh:**

- Phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo các tuyến đường liên xã, trục xã và các tuyến đường thôn hiện có và các khu vực mới dọc theo trục đường TLM3.

- Loại hình: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và hộ cá thể; các cửa hàng, điểm bán hàng và hợp tác xã.

## **5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.**

### **5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Khu trung tâm xã bố trí hệ thống giao thông thuận lợi tới tất cả các thôn trong xã, là điểm giao giữa các tuyến đường giao thông nông thôn hiện trạng và tuyến quy hoạch mới, lấy đường TL525 làm đường trục chính kết nối các đường liên thôn, trục thôn hiện trạng, quy hoạch mới, nhằm khai thác tốt nhất hiện trạng và giảm thiểu biến động cơ cấu giao thông hiện có của khu vực.

Khu trung tâm xã bao gồm các khối công trình như Công sở UBND xã, trạm y tế, Trường tiểu học và THCS, trường mầm non, bưu điện, trung tâm văn hóa thể thao, hợp tác xã dịch vụ, đài tưởng niệm, khu dân cư hiện trạng và nhiều công trình công cộng khác, quy mô phát triển khoảng 15 ha.

- Không gian ở khu vực trung tâm xã được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan khang trang, thống nhất, hài hòa với các công trình công cộng, dịch vụ của xã.

- Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm đồng bộ và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng nông thôn và tiêu chí quốc gia.

- Các khu dân cư hiện trạng cần phải chỉnh trang, cải tạo nhà cửa, sân vườn làm sinh động không gian trong khu nhà ở, việc bố trí phải có trật tự và hài hòa giữa các hình thức nhà ở với nhau.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

### **5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới**

Trên cơ sở 8 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí từng thôn và được yêu cầu chỉnh trang như sau:

- Khai thác hiện trạng một cách tối đa, hạn chế việc di chuyển, thay đổi không cần thiết. Các điểm dân phát triển trên cơ sở các điểm dân cư hiện trạng được cải tạo phát triển cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho quá trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Xây dựng một số điểm dân cư theo quy hoạch để phục vụ cho yêu cầu tái định cư, xen cư và phát triển dân cư mới, đồng thời tạo nguồn thu từ quỹ đất phục vụ phát triển hạ tầng địa phương.

- Phát triển các điểm dân cư thành đô thị với các ngành nghề chính: thương mại dịch vụ, công nghiệp, chế biến thực phẩm,... gắn với tuyến đường nối ĐT.525, phân luồng cung cấp đi TP. Thanh Hóa và KKT Nghi Sơn.

- Dự kiến đến năm 2030, toàn bộ cụm dân cư của 8 thôn sẽ được chỉnh trang, quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng tại trung tâm của 8 thôn để đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; trên cơ sở đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

Dự báo dân số đến năm 2030 là 6.426 người, tăng 1.424 người so với hiện trạng năm 2020. Chỉ tiêu sử dụng đất ở (theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự toán quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn số 1956/QĐ-UBND ngày 6/7/2021 của UBND huyện) là  $\geq 25$  m<sup>2</sup>/người. Xét nhu cầu thực tế của địa phương và chỉ tiêu phân bổ đất đai của huyện; đề xuất chỉ tiêu sử dụng đất là 50 m<sup>2</sup>/người. Theo đó, nhu cầu đất ở tăng thêm là 7,12 ha. Căn cứ Quy chuẩn số 01:2021/BXD, chỉ tiêu sử dụng đất ở trong khu dân cư nông thôn chiếm khoảng 40-45% diện tích toàn khu. Như vậy, tổng nhu cầu đất dân cư nông thôn đến năm 2030 là 17,37 ha.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất khu dân cư nông thôn, dự kiến quy hoạch mới 17,43 ha đất ở bao gồm các vị trí sau:

- + Quy hoạch khu dân cư mới (Bắc đường TLM 3) thôn Phú Thứ: 9,66 ha;
- + Quy hoạch khu dân cư mới (Nam đường TLM 3) thôn Phú Thứ: 7,3 ha;
- + Chuyển mục đích sử dụng đất ao vườn sang đất ở và đất xen cư thôn Hùng Sơn, thôn Đa Hậu: 0,47 ha.

Các khu dân cư xây dựng mới phải được xây dựng đồng bộ, có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

### ***5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp***

#### ***a) Định hướng khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề:***

- Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn, là lợi thế tiềm năng to lớn của địa phương. Đến năm 2030 quy hoạch khu sản xuất kinh doanh - Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tại thôn Hùng Sơn với tổng diện tích 8,6 ha.

- Ngành nghề: Sản xuất may mặc, song sọt, đồ mộc,....
- Giao thông kết nối: Đường TLM3 nối ĐT.525 cải dịch đi khu công nghiệp Nông Công.

#### ***b) Định hướng khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ:***

Phát triển khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo trục đường TLM3 thuộc thôn Phú Thứ với diện tích: 1,55 ha.

#### ***c) Định hướng khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:***

##### ***c1) Khu trồng trọt***

\* Khu trồng lúa năng suất chất lượng cao:

- Vị trí: *khu vực Bắc ĐT.525:*
- Chức năng chính: sản xuất lúa chất lượng cao.

- Diện tích: 65 ha (gồm diện tích lúa các thôn: Thọ Xương: 23ha; Quỳnh Tiến: 13ha; Phú Thứ: 29ha).

- Đường giao thông nội đồng chính phục vụ: Từ a Càn đến Đồng Trại; Từ cống trắng đến thôn Phú Bắc cũ (thôn Phú Thứ); Từ đường nhánh đến Cống Trắng; Từ Sông Trục đến nương cái (thôn Quỳnh Tiến); Từ đường liên thôn Thọ Xương đến thôn Phú Thứ (thôn Thọ Xương); Đường từ Chi Lan đến Liên Hồng; đường Từ Ông Dữ đến Phú Long; đường từ cầu a Minh đến giáp làng Nga; đường Đồng Nhôi; đường Đồng Chung (thôn Đa Hậu)

- Nguồn cấp nước sản xuất chính: Kênh N8 và kênh Mã Hòm.

- Hệ thống tiêu thoát nước: thoát nước ra kênh Mã Hòm và kênh tiêu Hồ Châu.

\* Khu sản xuất lúa năng suất chất lượng cao tập trung:

- Vị trí: khu vực Nam ĐT.525:

- Chức năng chính: sản xuất lúa năng suất chất lượng cao tập trung.

- Diện tích: 150 ha (gồm diện tích lúa các thôn: Đa Tiên: 40ha; Đa Hậu: 24ha; Quỳnh Tiến: 21 ha; Trí Phú: 45; Trúc Đại: 20 ha).

- Đường giao thông nội đồng chính phục vụ: Đường từ Sông Trục đến Động Tha (thôn Đa Tiên); Tuyến N6 - Mã Cải (thôn Trúc Đại); Từ Bà Tỏa đến Đồng Lồi, Từ Ô Đông đến đồng Quan, Từ Ô Cảnh đến Tượng Lĩnh (thôn Trí Phú).

- Nguồn cấp nước sản xuất chính: Kênh sông Trục lấy nguồn nước từ Sông Mực và kênh N6.

- Hệ thống tiêu thoát nước: thoát nước ra kênh sông Trục và kênh tiêu Hồ Châu (từ Tượng Lĩnh – Trường Giang).

\* Khu vực phát triển RAT:

- Chức năng chính: sản xuất rau an toàn.

- Diện tích: 3,58 ha tại thôn Quỳnh Tiến.

- Đường giao thông chính phục vụ: Từ thôn Đa Hậu – Quỳnh Tiến (phía Tây SVĐ xã)

- Nguồn cấp nước sản xuất chính: Kênh N6.

- Hệ thống tiêu thoát nước: thoát nước ra kênh tiêu Sông Trục.

c2) Khu chăn nuôi

- Vị trí: Khu Cồn Cọc (thôn Đa Hậu) diện tích: 1,6 ha và khu Cồn Huệ, Đạc (thôn Trí Phú và thôn Hùng Sơn) diện tích: 1,23ha.

- Chức năng chính: sản xuất nông nghiệp theo hình thức trang trại tổng hợp

c3) Khu vực phát triển thủy sản

- Chức năng chính: nuôi trồng thủy sản nước lợ tập trung.

- Tổng diện tích: 21,83 ha, bao gồm 2 khu vực tại thôn Thọ Xương với diện tích: 10,61ha và khu vực thôn Hùng Sơn với diện tích: 11,22ha.

- Hệ thống tiêu thoát nước: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản tiêu nước ra sông Thị Long.

## d) Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m <sup>2</sup> )	Định hướng quy hoạch	Diện tích quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
<b>I</b>	<b>Công trình trong Khu TT xã</b>							
1	Công sở UBND	Thôn Quỳnh Tiến	3.306,1	Giữ nguyên hiện trạng	3.306,1	2-3	≤40	≥20
2	Nhà văn hoá xã	Thôn Quỳnh Tiến	350,0	Giữ nguyên hiện trạng	350	1-2		
3	Tượng đài liệt sỹ	Thôn Trí Phú	978,0	Mở rộng	1.878		≤15	≥30
4	Bưu điện văn hoá	Thôn Quỳnh Tiến	200,0	Giữ nguyên hiện trạng	200	1-3	≤70	≥10
5	Trạm y tế xã	Thôn Quỳnh Tiến	1.786,6	Giữ nguyên hiện trạng	1.787	1-3	≤40	≥30
6	Trường mầm non	Thôn Quỳnh Tiến	1.781,4	Quy hoạch vị trí mới	11.300	1-3	≤40	≥30
7	Trường tiểu học	Thôn Quỳnh Tiến	15.555,7	Giữ nguyên hiện trạng	15.555,7	1-3	≤40	≥30
8	Trường THCS	Thôn Trí Phú	10743,2	Giữ nguyên hiện trạng	10743,2	1-3	≤40	≥30
9	Sân vận động trung tâm	Thôn Quỳnh Tiến	12.089,1	Giữ nguyên hiện trạng	12.089,1			
10	Chợ xã	Thôn Quỳnh Tiến	4.508,0	Giữ nguyên hiện trạng	4.508,0	1-3	≤40	≥10
11	Hạ tầng viễn thông thụ động	Thôn Quỳnh Tiến, thôn Trí Phú	600,0	Giữ nguyên hiện trạng	600			
12	Trụ sở Công an xã	Thôn Quỳnh Tiến		Quy hoạch mới	900	1-3	≤40	
13	Trụ sở của Ban chỉ huy Quân sự xã	Thôn Quỳnh Tiến		Quy hoạch mới	920	1-3	≤40	

14	Trụ sở HTX DVNN	Thôn Quỳnh Tiến	120,0	Quy hoạch mới	1.200	1-2	≤40	
15	Trụ sở HTX TTCN	Thôn Quỳnh Tiến		Quy hoạch mới	1.000			
<b>II</b>	<b>Công trình ngoài khu trung tâm</b>							
<b>1</b>	<b>Nhà văn hoá thôn</b>							
-	Đa Hậu		500	Giữ nguyên hiện trạng	500	1	≤30	≥40
-	Đa Tiền		864	Quy hoạch vị trí mới	500	1	≤30	≥40
-	Quỳnh Tiến		354	Quy hoạch vị trí mới	500	1	≤30	≥40
-	Phú Thứ		906	Giữ nguyên hiện trạng	906	1	≤30	≥40
-	Trí Phú		530	Giữ nguyên hiện trạng	530	1	≤30	≥40
-	Trúc Đại		524	Giữ nguyên hiện trạng	524	1	≤30	≥40
-	Hùng Sơn		995	Giữ nguyên hiện trạng	995	1	≤30	≥40
-	Thọ Xương		1169	Giữ nguyên hiện trạng	1.169	1	≤30	≥40
<b>2</b>	<b>Sân thể thao thôn</b>							
	Đa Hậu		1413	Mở rộng	3.000			
	Đa Tiền		966	Quy hoạch vị trí mới	3.000			
	Quỳnh Tiến			Quy hoạch vị trí mới	2.900			
	Phú Thứ		2060	Giữ nguyên hiện trạng	2.060			



	Trí Phú		2423	Giữ nguyên hiện trạng	2.423			
	Trúc Đại		4533	Giữ nguyên hiện trạng	4.533			
	Hùng Sơn			Quy hoạch vị trí mới	2.200			
	Thọ Xương		2080	Giữ nguyên hiện trạng	2.080			
3	Quy hoạch khu vui chơi giải trí	Thôn Đa Hậu		Quy hoạch mới	0,65			
4	Quy hoạch công viên cây xanh	Thôn Đa Tiền		Quy hoạch mới	0,2			
5	Đất cảnh quan môi trường	Thôn Phú Thứ		Quy hoạch mới	0,18			
6	Đất cảnh quan môi trường (giáp Giếng Đồng Sào)	Thôn Đa Hậu		Quy hoạch mới	0,3			

## 6. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020-2030

Đáp ứng quan điểm và mục tiêu phát triển như trên, việc bố trí quy hoạch sử dụng đất là dựa vào lợi thế của địa phương, hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng phát triển để xây dựng phương án tối ưu hóa, tạo lợi thế cạnh tranh. Diện tích các loại đất cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp: 476,34 ha, chiếm 62,65 % diện tích tự nhiên, giảm 44,64 so với năm 2020;

- Đất xây dựng: 230,02 ha, chiếm 30,25 % diện tích tự nhiên, tăng 45,83 ha so với năm 2020;

- Đất khác: 54,01 ha, chiếm 7,1 % diện tích tự nhiên, giảm 1,19 ha so với năm 2020.

**Bảng 1: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến giai đoạn 2020- 2030**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2030		So sánh 2030 /2020
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>760,36</b>	<b>100,00</b>	<b>760,36</b>	<b>100,00</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>		<b>520,98</b>	<b>68,52</b>	<b>476,34</b>	<b>62,65</b>	<b>-44,64</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	392,65	51,64	332,32	43,71	-60,33

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	38,78	5,10	30,69	4,04	-8,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	12,27	1,61	12,14	1,60	-0,13
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,03	0,66	5,03	0,66	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	14,96	1,97	14,96	1,97	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	56,62	7,45	77,70	10,22	21,08
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,67	0,09	3,50	0,46	2,83
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>		<b>184,19</b>	<b>24,22</b>	<b>230,02</b>	<b>30,25</b>	<b>45,83</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	64,55	8,49	81,16	10,67	16,61
2.2	Đất công cộng		5,59	0,74	7,08	0,93	
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,33	0,04	0,42	0,06	0,09
-	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS			0,22	0,03	0,22
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	1,35	0,18	1,54	0,20	0,19
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,26	0,03	0,26	0,03	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,86	0,38	3,78	0,50	0,92
-	Đất chợ	DCH	0,66	0,09	0,66	0,09	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,11	0,01	0,18	0,02	0,07
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,02	0,00	0,02	0,00	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao		2,69	0,35	5,12	0,67	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,69	0,35	4,38	0,58	1,69
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			0,74	0,10	0,74
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền						
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.5	Đất tiêu thủ công nghiệp và làng nghề				8,60	1,13	
-	Đất khu công nghiệp	SKK					
-	Đất khu chế xuất	SKT					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC			8,60	1,13	8,60
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng						
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					

2.7	Đất xây dựng các chức năng khác				1,55	0,20	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD			1,55	0,20	1,55
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		111,36	14,64	126,24	16,60	
-	Đất giao thông	DGT	77,42	10,18	91,27	12,00	13,85
-	Đất thủy lợi	DTL	19,37	2,55	19,37	2,55	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,56	1,91	15,59	2,05	1,03
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất						
2.10	Đất quốc phòng	CQP			0,09	0,01	0,09
2.11	Đất an ninh	CAN			0,18	0,02	0,18
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>		<b>55,20</b>	<b>7,26</b>	<b>54,01</b>	<b>7,10</b>	<b>-1,19</b>
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	15,18	2,00	15,18	2,00	
3.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	23,38	3,07	23,69	3,12	0,31
3.3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3.4	Đất chưa sử dụng	CSD	16,64	2,19	15,14	1,99	-1,50

## **7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối**

### **7.1. Công trình hạ tầng sản xuất**

#### **a. Hệ thống giao thông nội đồng**

Hiện nay, toàn xã có 42,29 km đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó đã 100% được cứng hoá. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng có nhiều tuyến đường giao thông nội đồng đã bị hư hỏng, xuống cấp nhiều. Dự kiến đến năm 2030, nâng cấp tu bổ 17,68 km tuyến giao thông nội đồng.

#### **b. Hệ thống thủy lợi, đê điều**

\* Đê điều: Trên địa bàn xã có 1 tuyến đê sông Thị Long với chiều dài qua xã là 2,4 km. Để đảm bảo trong việc phòng chống thiên tai kết hợp với nhu cầu đi lại của người dân, trong kỳ quy hoạch sẽ nâng cấp 2,4 km tuyến đê với mặt cắt: Bề mặt 5m, lề đê 5m, hành lang bảo vệ 30m, lộ giới 40m.

\* Hệ thống thủy lợi:

- Hệ thống công tiêu nước: Hiện trên địa bàn xã có 4 công tiêu qua đê đã xuống cấp, trong kỳ quy hoạch cần nâng cấp 4 công tiêu này

- Trạm bơm tiêu: Hiện tại trên địa bàn xã có 1 trạm bơm tiêu Tượng Văn với công suất 8x3.200m<sup>3</sup>/h đã xuống cấp trầm trọng. Trong kỳ quy hoạch sẽ xây mới trạm bơm tiêu Tượng Văn với công suất 12x4.000m<sup>3</sup>/h.

- Hệ thống kênh mương: Các tuyến kênh mương trên địa bàn xã được xây dựng tương đối hoàn thiện về mạng lưới với tổng chiều dài các tuyến là 30,26 km, trong đó đã cứng hóa được 22,56 km. Trong kỳ quy hoạch cần cứng hóa 7,7 km tuyến kênh mương còn lại. Đồng thời cần nạo vét, tu bổ các tuyến kênh mương đã cứng hóa.

## **7.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **7.2.1. Hệ thống giao thông**

Trong giai đoạn đến năm 2030 xã Tượng Văn sẽ tập trung nguồn lực, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường giao thông đối ngoại và đối nội, nhằm kết nối hệ thống giao thông trên địa bàn xã thuận lợi và đồng bộ, đảm bảo theo Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông và đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo QĐ số 25/2018 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

#### **a. Hệ thống giao thông đối ngoại:**

- Đường tỉnh: Tuân thủ Quyết định số: 3227/QĐ-UBND ngày 29/08/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh hóa về việc “Phê duyệt điều chỉnh tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Theo Quyết định này đến năm 2030 trên địa bàn xã Tượng Văn có các tuyến sau:

+ Tỉnh lộ 525 cải dịch: Đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 4,4 km. Hướng tuyến được giữ nguyên, xây dựng mới đạt quy mô đường cấp III, mặt cắt ngang: mặt đường 12,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 30m; Lộ giới: 42m.

+ Quy hoạch Đường TLM 3 (từ nút giao cao tốc Vạn Thiện đi TX Nghi Sơn), đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 3,4 km, xây dựng mới đạt quy mô đường cấp III, mặt cắt ngang: mặt đường 24,0m; lề đường 12m, giải phân cách 3m, Lộ giới: 39,0m.

- Đường huyện: Trên cơ sở tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông huyện Nông Cống đã được phê duyệt và định hướng theo quy hoạch vùng huyện Nông Cống cần xây dựng mới 4 tuyến, hình thành một mạng lưới giao thông liên kết vùng hoàn chỉnh.

+ Tuyến 1: Đường ĐH-QH.2 chiều dài 1,77km, xây dựng mới. Mặt cắt: Mặt đường 9 m; hành lang 20m; lộ giới 29m.

+ Tuyến 2: Đường nối TL 525 đi TLM 2 chiều dài 0,54km, xây dựng mới. Mặt cắt: Mặt đường 9m; hành lang 20m; lộ giới 29m.

+ Tuyến 3: Đường nối TL 525 đi ĐH-NC.03 chiều dài 1,2km, xây dựng mới. Mặt cắt: Mặt đường 9m; hành lang bảo vệ đường bộ 20m; lộ giới 29m.

+ Tuyến 4 Đường nối từ TLM 2 đi ĐH-QH.2 chiều dài 1,9km, xây dựng mới. Mặt cắt: Mặt đường 9m; hành lang 20m; lộ giới 29m.

Nâng cấp mở rộng 2 tuyến đường huyện hiện có sau:

+ Tuyến 5: Đường cứu hộ đi Tượng Lĩnh, chiều dài 1,24km. Mặt cắt: Lòng

đường 9 m; hành lang 20m; lộ giới 29m.

+ Tuyến 6: Đường Đê sông Thị Long, chiều dài 2,433km, Mặt cắt: Lòng đường 9m; hành lang 20m; lộ giới 29m.

b. Đường giao thông đối nội:

- Đường xã: Đầu tư mở mới, nâng cấp các tuyến đường; mặt cắt điển hình: Lòng đường 7,5m, nền đường 11m.

- Đường trục thôn: Trong kỳ quy hoạch cần đầu tư nâng cấp mở rộng 17 tuyến với tổng chiều dài 6,94km. Mặt cắt điển hình: Lòng đường 3,5-5m, nền đường 6 - 7m.

- Đường ngõ xóm: Tổng số đường giao thông ngõ xóm là 25,362 km đã được cứng hóa, cơ bản đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **7.2.2. Cấp điện**

- Tổng nhu cầu phụ tải định mức máy biến áp đến 2030 là 1.433,8 KVA. Năm 2020 hệ thống điện toàn xã có 8 trạm biến áp công suất máy biến áp trên 1.410 KVA, với công suất này chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030. Vì vậy trong kỳ quy hoạch cần nâng cấp và quy hoạch mới 1 số trạm biến áp sau:

+ Nâng cấp TBA số 1 thôn Đa Hậu từ 180 KVA lên 250 KVA.

+ Nâng cấp TBA số 5 thôn Phú Thứ từ 100 KVA lên 180 KVA.

+ Xây mới TBA số 9 thôn Phú Thứ với công suất 250 KVA.

Tổng công suất của 9 trạm biến áp sau khi nâng cấp và xây mới là 1.950 KVA, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

### **7.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động**

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 3 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, nằm tập trung ở 2 thôn (Quỳnh Tiến và Trí Phú). Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

#### **7.2.4. Hệ thống cấp nước**

- Nguồn nước dùng trong sinh hoạt của xã Tượng Văn đến năm 2030 được lấy từ nhà máy cấp nước đặt tại xã Thăng Thọ với công suất cấp nước đạt 40.000 m<sup>3</sup>/ngày dẫn về xã thông qua các đường ống dẫn nước.

- Các đường ống chính được bố trí trên vĩ hệ các tuyến đường Tỉnh lộ, các đường liên xã, trục xã để thuận tiện cho việc quản lý

- Các đường ống dẫn nước đến các hộ dân được bố trí trên vĩ hệ trên các tuyến được trục thôn, ngõ xóm được kết nối với các ống đường trục chính

- Hệ thống đường ống được thiết kế theo tiêu chuẩn TCXDVN 33 : 2006 "Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế", được thiết kế mạng đường ống cắt, với các đường ống chính của từng khu vực sẽ đi ngầm dưới vỉa hè, với tiết diện đường ống D50 - 75. Mỗi cụm dân cư nhỏ sử dụng chung một đường ống nhánh với tiết diện D40. Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung mạng lưới với mạng cấp nước sinh hoạt. Hạng cứu hỏa được đặt cách nhau trung bình 150m tại khu vực trung tâm, cách mép vỉa hè khoảng 2,5m.

- Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

### **7.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

#### **a) Thoát nước mưa**

Địa hình có độ dốc nghiêng dần theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, chênh lệch cao độ tự nhiên từ 2 – 4 m. Xã có điều kiện rất thuận lợi thoát nước tự nhiên.

Phần lớn lưu lượng nước được thu gom về hệ thống kênh Sông Trục; kênh Mã Hòm và kênh tiêu Hồ Châu đổ ra sông Thị Long qua hệ thống 4 cống tiêu qua đê và trạm bơm tiêu Tượng Văn.

#### **b) Thoát nước thải**

Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Tượng Văn sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

### ***c. Quy hoạch nghĩa trang***

Hiện có 14,56 ha, diện tích cơ bản đáp ứng được nhu cầu an táng, cải táng của nhân dân hiện tại. Tuy nhiên, trong giai đoạn tới cần cải tạo nâng cấp chính trang và quy hoạch, quản lý trở thành công trình văn hoá toàn dân.

Đến năm 2030, dự kiến mở rộng các khu nghĩa trang sau:

- Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Thứ, diện tích mở rộng 0,30 ha;
- Khu Cồn Thấu thôn Đa Hậu diện tích mở rộng 0,19 ha;
- Khu Chìa Ré thôn Đa Hậu diện tích mở rộng 0,70 ha;
- Khu Động Ban thôn Đa Tiền diện tích mở rộng 0,02ha.

## **8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư**

### ***8.1. Các dự án về phát triển sản xuất***

- Dự án vùng sản xuất rau an toàn tập trung. Quy mô diện tích 3,58 ha;
- Dự án Xây dựng vùng sản xuất lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao tại khu vực Nam ĐT.525 (150 ha).

- Dự án phát triển chăn nuôi: Xây dựng 2 khu trang trại tổng hợp tại Khu Cồn Cọc (Đa Hậu) 4,75 ha và khu Cồn Huê, Đạc (Trí Phú) 1,23 ha.

- Dự án nuôi trồng thủy sản tập trung với tổng diện tích: 21,83 ha, bao gồm 2 khu vực tại thôn Thọ Xương với diện tích: 10,61ha và khu vực thôn Hùng Sơn với diện tích: 11,22ha.

### ***8.2. Các dự án về đầu tư hạ tầng***

- Dự án năng lượng: Xây dựng trạm biếm áp và đường dây 110Kv tại khu dân cư mới thôn Phú Thứ.

- Dự án xây dựng cơ sở giáo dục: Quy hoạch mới đất giáo dục phục vụ xây dựng cơ sở giáo dục mầm non tại thôn Quỳnh Tiến, quy mô 1,1 ha.

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn

- Dự án mở rộng, cải tạo khuôn viên Tượng đài liệt sỹ, quy mô 900 m<sup>2</sup> tại thôn Trí Phú.

- Dự án xây mới trụ sở CA xã, ban CHQS xã, trụ sở HTX.

- Nâng cấp mở rộng 2,6 km đường giao thông trục xã và 6,9 km giao thông trục thôn.

### ***8.3. Các dự án về đầu tư hạ tầng sản xuất***

- Nâng cấp, cứng hóa 7,7 km kênh mương thủy lợi
- Xây mới trạm bơm tiêu Tượng Văn.

### ***8.4. Các dự án chỉnh trang khu dân cư***

- Dự án xóa nhà tạm và cải tạo nhà ở các hộ chính sách.

- Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình vệ sinh trong khu dân cư.

- Quy hoạch mới các khu dân cư tại thôn Phú Thứ (8,86 ha)

**8.5. Các dự án phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh**

- Quy hoạch khu thương mại dịch vụ tại thôn Phú Thứ, quy mô 1,37 ha.

**8.6. Các dự án khác**

- Dự án đầu tư xây dựng các điểm thu gom rác thải ở các thôn.
- Dự án chỉnh trang quy hoạch chi tiết các nghĩa trang.
- Dự án đào tạo nâng cao năng lực cán bộ xã.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân xã Tượng Văn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Văn, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Tượng Văn tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Tượng Văn và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Lợi Đức**